

Bản án số: 88/2020/DS-PT

Ngày 02-6-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị An Tiên.**

Các thẩm phán:

Ông Lâm Văn Be;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Cẩm Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà **Nguyễn Thị Thu Sinh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 tháng 5 và ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 65/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh bị kháng nghị, kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 152/2020/QĐPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1963; Địa chỉ: khu phố H, phường T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; (Có mặt).

2. Bị đơn:

- Ông **Phạm Văn N**, sinh năm 1965; Địa chỉ: khu phố H, phường T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; (Có mặt)

- Bà **Nguyễn Thị T (Tự)**, sinh năm 1962; Chỗ ở hiện nay: khu phố H, phường T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị **Phạm Thị Bích O (Lùng)**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số D37/12, tổ 39, khu phố H, phường T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; (Có mặt)

4. Người kháng nghị: Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị

5. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 8 năm 2019 quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà là chủ hội, do quen biết nên bà có cho chị Phạm Thị Bích O (tên thường gọi là Lùng) tham gia 01 phần hội và chị O có tham gia dùm cho vợ chồng của cậu ruột chị O là ông Phạm Văn N, bà Nguyễn Thị T 01 phần cùng dây hội 5.000.000 đồng mở ngày 01/3/2014 âm lịch, mãn hội ngày 01/01/2016 âm lịch; gồm 24 phần trong danh sách hội viên bà ghi tên “Lùng + Nở” địa chỉ Hiệp Hòa tham gia 02 phần ở số thứ tự 4. Ngày 01/3/2014 âm lịch ở kỳ hội đầu tiên chị O kê giá 1.400.000 đồng, hót hội dùm cho ông Nở, bà T được số tiền 82.800.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, nên bà H giao cho chị O số tiền hội hót được 80.300.000 đồng. Chị O, ông Nở, bà T có ký tên vào giấy nhận tiền ngày 04/3/2014 âm lịch. Sau khi hót hội, chị O có góp lại cho bà phần hội đã hót của ông Nở, bà T 15 kỳ, do bà bị bệnh phải đi điều trị nên hội hoạt động đến kỳ thứ 16 thì ngưng. Bà khởi kiện yêu cầu ông Nở, bà T trả 08 kỳ hội còn phải góp là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Trong quá trình hòa giải, bà yêu cầu ông Nở, bà T trả lại 08 phần hội tính theo giá vốn 3.600.000 đồng x 8 phần = 28.800.000 đồng. Sau khi bà bị vỡ hội, cộng sổ thì bà còn nợ tiền hội của chị O, bà đã trả nhiều lần, mỗi tháng 1.000.000 đồng tổng cộng được 32.000.000 đồng, bà đồng ý khấu trừ vào số tiền bà nợ chị O trong những dây hội khác.

**** Ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Ông là cậu ruột của chị O, bà con xa với chồng của bà H. Từ trước đến nay vợ chồng ông bà không tham gia hội của bà H. Do chị O có nói xin bà H cho tham gia 02 phần hội 5.000.000 đồng nhưng bà H chỉ cho tham gia 01 phần, nên chị O nhờ ông bà đứng tên tham gia dùm cho chị O 01 phần, ông đồng ý nhưng thực tế phần hội này do chị O trực tiếp đi khai hội và đóng tiền hội cho bà H, ông bà không lần nào khai hội, đóng hội cho bà H và cũng chưa lần nào gặp mặt bà H để nói chuyện về phần hội này. Chị O có giao giấy nhận tiền hót hội ngày 04/3/2014 số tiền 80.300.000 đồng kê ông bà ký tên để chị O nhận tiền, ông có ký tên nhưng bà T không có ký tên trong giấy, ông bà không nhận số tiền hót hội nào do bà H hay chị O giao. Do đó ông bà không đồng ý trả cho bà H số tiền nào, về tiền nợ hội do bà H tự tính toán với chị O.

**** Chị Phạm Thị Bích O trình bày:***

Chị có xin bà H tham gia 02 phần hội 5.000.000 đồng để chị dành dụm tiền mua đất cất nhà ở nhưng do bà H không tin tưởng nên chỉ cho chị tham gia 01 phần. Chị O có nhờ ông Nở, bà T đứng tên tham gia dùm chị 01 phần, nên trong danh sách hội viên bà H ghi tên chị O (Lùng) + Nở tham gia 02 phần. Chị O kê 1.400.000 đồng hót kỳ hội đầu tiên, sau khi trừ tiền hoa hồng còn lại 80.300.000 đồng, do chị nói là hót phần hội dùm cho ông Nở, bà T nên bà H có yêu cầu chị

đem giấy nhận tiền hốt hụi cho ông Nở, bà T ký tên thì bà H mới giao tiền hụi cho chị. Ông Nở có ký tên vào giấy nhận tiền, bà T không có ký, do thời gian đã lâu nên chị không nhớ là chữ “Tu” là do ai ký. Sau đó bà H giao 80.300.000 đồng tiền hốt hụi cho chị, chị Hoa ký tên nhận tiền và sử dụng, không giao cho ông Nở, bà T. Sau khi hốt hụi, hàng tháng chị góp lại cho bà H 01 phần hụi sống và một phần hụi chết đến hết kỳ thứ 16 thì bà H bị vỡ hụi nên ngưng đến nay.

Ngoài ra, chị O còn tham gia nhiều dây hụi khác do bà H làm chủ. Sau khi bà H bị vỡ hụi, hai bên có chốt sổ đối với những dây hụi khác, sau khi khấu trừ tiền hụi chết với hụi sống thì bà H còn nợ tiền hụi của chị O, bà H đã trả dần cho chị O mỗi tháng 1.000.000 đồng, tổng cộng được 32.000.000 đồng, bà H có ghi sổ theo dõi.

Đối với dây hụi 5.000.000 đồng chị O khởi kiện yêu cầu bà H trả cho chị tiền hụi gốc phần chưa hốt đã góp của 16 kỳ thành tiền theo sổ bà H cộng là 53.560.000 đồng. Trong số tiền bà H trả dần được 32.000.000 đồng, chị O khấu trừ 13.560.000 đồng trong dây hụi 5.000.000 đồng, nên trong dây hụi này thì bà H còn phải trả lại cho chị O 40.000.000 đồng, còn lại số tiền 18.440.000 đồng để khấu trừ vào những dây hụi khác mà bà H còn nợ tiền chị O.

Đối với phần hụi chị đã hốt (ghi tên của ông Nở) là hụi của chị tham gia nên chị nhận trách nhiệm trả cho bà H, chị đã nhận số tiền hốt hụi do bà H giao là 80.300.000 đồng, trong đó chị đã đóng lại 15 kỳ hụi chết x 5.000.000 đồng/ kỳ = 75.000.000 đồng, chị đồng ý bù thêm 5.300.000 đồng thành 80.300.000 đồng để hoàn trả lại phần hụi này cho bà H. Bà H yêu cầu trả 28.800.000 đồng, chị O chỉ đồng ý trả 5.300.000 đồng, khấu trừ của dây hụi này 40.000.000 đồng - 5.300.000 đồng, chị O yêu cầu bà H trả số tiền gốc 34.700.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Còn các dây hụi khác và số tiền bà H đã trả còn lại 18.440.000 đồng giữa chị O và bà H sẽ tự giải quyết sau.

Tại bản án sơ thẩm số 65/2019/DS-ST ngày 22-11-2019 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Áp dụng Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 29, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc đòi ông Phạm Văn N, bà Nguyễn Thị T trả số nợ tiền hụi 28.800.000 đồng (hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng). Ghi nhận chị O tự nguyện trả cho bà H số nợ tiền hụi 5.300.000 đồng đối với dây hụi mà chị O nhờ ông Nở, bà T đứng tên dùm và chị O đã hốt.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bích O đối với bà Trần Thị H. Buộc bà H có nghĩa vụ trả cho chị O số tiền hụi gốc 53.560.000 đồng (năm mươi ba triệu năm trăm sáu nghìn đồng). Ghi nhận chị O đồng ý khấu trừ

5.300.000 đồng đối với phần hụi mà chị O đã hót và khấu trừ 13.560.000 đồng trong tổng số tiền 32.000.000 đồng mà bà H đã trả cho chị O, nên buộc bà H phải trả lại cho chị O 34.700.000 đồng, còn lại số tiền hụi bà H đã trả cho chị O 18.440.000 đồng sẽ khấu trừ trong số nợ tiền hụi mà bà H còn nợ chị O ở những dây hụi khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Nội dung kháng nghị:** Theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 19-12-2019 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 65/2019/DS-ST ngày 22-11-2019 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã H giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm

*** Nội dung kháng cáo:**

Theo đơn kháng cáo đề ngày 06-12-2019 của bà Trần Thị H, bà H kháng cáo cho rằng phần hụi chị O đã lĩnh hụi là của ông Nở bà T; Chị O chỉ đứng tên tham gia dùm nên yêu cầu ông Nở bà T trả cho bà 28.800.000 đồng tiền hụi.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bà H và chị O thống nhất trình bày: Chị O có tham gia 05 dây hụi do bà H làm chủ thảo. Cụ thể:

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 01/3/2014. Dây hụi này có 24 phần, chị O tham gia 02 phần trong đó có 01 phần tham gia dùm cho ông Nở và bà T. Ngày 01/3/2014, chị O khai giá 1.400.000 đồng hót 01 phần hụi được 80.300.000 đồng; phần hụi này chị O nói hót dùm cho ông Nở bà T. Dây hụi này mở được 16 kỳ thì ngưng. Phần hụi chưa hót, chị O đã góp được 53.560.000 đồng. Đối với phần hụi đã hót chị O còn 08 kỳ chưa góp, mỗi kỳ 3.600.000 đồng, tổng cộng 28.800.000 đồng;

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 12/11/2014. Chị O tham gia 01 phần; chưa hót, đã góp được 07 kỳ, tổng cộng 22.010.000 đồng;

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng mở ngày 20/01/2013; gồm 25 phần chị O tham gia 01 phần. Chị O hót hụi ở kỳ thứ 10, còn 06 kỳ chưa góp, mỗi kỳ 1.460.000 đồng, tổng cộng 8.760.000 đồng;

- Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, mở ngày 06/01/2015. Dây hụi này chị O tham gia 01 phần, chưa hót, đã góp được 05 kỳ tổng cộng 9.630.000 đồng;

- Dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 09/01/2015, một tháng mở 02 lần. Dây hụi này gồm 24 phần, chị O tham gia 02 phần. Kỳ thứ 09, chị O khai giá 250.000 đồng, hót được 18.000.000 đồng; còn 15 kỳ chưa góp tổng cộng 11.250.000 đồng. 01 phần hụi chưa hót, chị O đã góp được 6.585.000 đồng. Đối với dây hụi này, bà H và chị O thống nhất cản trừ khoản tiền hụi chị O chưa góp vào khoản tiền hụi chị O đã góp của dây hụi chưa hót, chị O còn nợ bà 4.665.000 đồng.

Sau khi ngưng hui, bà H đã trả chị O nhiều lần mỗi lần 1.000.000 đồng, được tổng cộng 32.000.000 đồng.

Cần trừ các khoản bà H nợ chị O 39.775.000 đồng; chị O nợ bà H 28.800.000 đồng của dây hui 5.000.000 đồng ngày 01/3/2014

Bà H trình bày: Đối với dây hui 5.000.000 đồng ngày 01/3/2014 chị O hót chưa góp lại 8 kỳ, ban đầu tính với nhau chị O nợ 40.000.000 đồng. Do đó cần trừ là xong không ai còn nợ ai nhưng chị O không đồng ý nên bà khởi kiện. Tại tòa phúc thẩm, bà yêu cầu chị O trả cho bà 28.800.000 đồng tiền của dây hui 5.000.000 đồng ngày 01/3/2014; bà đồng ý trả cho chị O tiền các dây hui chị O chưa hót tổng cộng sau khi cần trừ còn 39.775.000 đồng, cần trừ 02 khoản này thì bà chỉ còn nợ chị O 10.975.000 đồng.

Chị O trình bày: Chị yêu cầu bà H trả cho chị 39.775.000 đồng tiền hui chị đã góp cho các dây hui nhưng chưa hót. Không đồng ý trả cho bà H 28.800.000 đồng vì hui đã ngưng nên chị không đồng ý góp tiếp các kỳ còn lại sau khi ngưng hui, mà chỉ đồng ý trả 5.300.000 đồng sau khi cần trừ phần hui đã hót được 80.300.000 đồng vào khoản tiền đã góp 75.000.000 đồng.

Ý kiến Kiểm sát viên:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Điều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị O trả cho bà 28.800.000 đồng của dây hui 5.000.000 đồng ngày 01/3/2014. Do đó Kiểm sát viên rút một phần kháng nghị đối phần này. Bà H và chị O thống nhất các dây hui chị O tham gia, cũng như số tiền hui chị O đã góp chưa hót và khoản tiền hui chị O chưa góp sau khi ngưng hui. Đề nghị căn cứ Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; kháng cáo của bà H thấy rằng:

Quá trình thu thập chứng cứ tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm, bà H và chị O thống nhất đối với phần hui đã hót của dây hui 5.000.000 đồng mở ngày 01/3/2014, chị khai 1.400.000 đồng, ngưng hui từ kỳ 16 còn lại 08 kỳ chưa góp mỗi kỳ 3.600.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định

giao dịch hối giữa bà H và chị O không thực hiện đến cùng là do lỗi của bà H nên chị O chỉ trả cho bà H 5.300.000 đồng, mà không chấp nhận khởi kiện của bà H về việc yêu cầu chị O trả 08 kỳ hối chưa góp với số tiền 28.800.000 đồng là không đúng quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006. Bởi lẽ, khi hết hối, bà H đã giao tiền hối cho chị O của 24 phần hối. Như vậy, mặc dù dây hối ngưng ở kỳ thứ 16 nhưng vẫn còn 08 phần hối vẫn chưa hết và chị O phải có nghĩa vụ giao đầy đủ 08 phần hối cho bà H để bà H trả cho 08 phần hối chưa được hết. Vì dây hối ngưng giao dịch giữa chừng nên việc bà H yêu cầu chị O trả 08 kỳ hối mỗi kỳ 3.600.000 đồng là hoàn toàn phù hợp. Kháng cáo của bà H, kháng nghị của Viện kiểm sát phần này được chấp nhận.

[2] Xét kháng nghị đối với phần cản trừ nợ hối: Lời khai các đương sự tại Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện, sau khi ngưng hối bà H đã trả cho chị O nhiều lần được 32.000.000 đồng, các bên đã cản trừ các dây hối và bà H chỉ còn nợ chị O 10.948.000 đồng (Bút lục số 61). Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc cản trừ hối trong khi chưa làm rõ các khoản tiền chị O đã góp, đã hết là chưa chính xác. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H và chị O thống nhất tổng khoản tiền các phần hối chưa hết của các dây hối chị O đã góp cho bà H là 85.200.000 đồng. Trừ khoản tiền hối 4.665.000 đồng chị O còn phải góp của dây hối 1.000.000 đồng, 8.760.000 đồng của dây hối 2.000.000 đồng và 32.000.000 đồng bà H đã trả. Như vậy, bà H còn phải trả cho chị O 39.775.000 đồng. Chị O yêu cầu bà H trả cho chị 39.775.000 đồng là có căn cứ; chị O không đồng ý cản trừ, cũng không yêu cầu tính lãi. Kháng nghị của Viện kiểm sát có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H thay đổi khởi kiện, yêu cầu chị O trả tiền hối của dây hối 5.000.000 đồng ngày 01/3/2014 nên Kiểm sát viên thay đổi kháng nghị, không đề nghị hủy bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án theo quy định tại Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Án phí:

Bà H không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận

Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2019/DS-ST ngày 22-11-2019 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Áp dụng Điều 29, Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với chị Phạm Thị Bích O.

Buộc chị Phạm Thị Bích O có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H 28.800.000 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Phạm Thị Bích O đối với bà Trần Thị H.

Buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Bích O 39.775.000 đồng (Ba mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Bích O phải chịu 1.440.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu số 0008081 ngày 09/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Chị O còn phải nộp tiếp 440.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bà Trần Thị H phải chịu 1.989.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu số 0013871 ngày 26/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Bà H còn phải nộp tiếp 989.000 đồng (Chín trăm tám mươi chín nghìn đồng).

4. Áp phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Trần Thị H 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà đã nộp theo biên lai thu số 0008254 ngày 09-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HòaThành, tỉnh Tây Ninh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục H.;
- Phòng KTNV.;
- Các đương sự.;
- Lưu hồ sơ.;

- Lưu tập án.

Nguyễn Thị An Tiên

